Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /KH-UBND	*Sóc Trăng, ngày 15 tháng 02 năm 2024*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm giúp ngành chăn nuôi tỉnh phát triển ổn định, bền vững, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hoạt động chăn nuôi gây ra tại khu vực trung tâm, nội thành, nội thị; đồng thời, tạo điều kiện cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia vào các hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm (gọi chung là cơ sở chăn nuôi) thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi và được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là Nghị quyết).

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết phải đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, thống nhất trong hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Triển khai thực hiện nội dung cơ chế chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở chăn nuôi di dời đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi, phải đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng nội dung, kiên quyết xử lý các trường hợp vụ lợi, tiêu cực.

- Tuyệt đối không cấp phép cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xây dựng mới, cơi nới, mở rộng diện tích, tăng đàn, tái đàn tại khu vực không được phép chăn nuôi.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị quyết và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi, các quy định liên quan lĩnh vực chăn nuôi thông qua các hình thức phù hợp như: Tổ chức tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của các Sở, ban ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan; trên các chuyên trang, chuyên mục của Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng; các chương trình phát thanh, hệ thống loa truyền thanh của địa phương, các cuộc sinh hoạt cộng đồng ở khóm, ấp; vận động thông qua tuyên truyền viên, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội, khóm, ấp, thú y cơ sở tại địa phương. Nhiệm vụ này phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, nhất là tại khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành, Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2024.

2. Rà soát thống kê các cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời; tổ chức ký cam kết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi

2.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, lập danh sách, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện số cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời.

(Chi tiết theo Phụ lục 1.1; Phụ lục 1.2 đính kèm).

Cần niêm yết và thông báo công khai danh sách cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời trên các phương tiện truyền thông cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh sách cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời trên địa bàn cấp huyện.

(Chi tiết theo Phụ lục 2.1, Phụ lục 2.2 đính kèm).

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Bước 3: Thông tin, tuyên truyền, vận động, tiếp nhận, đăng ký cam kết di dời và tổ chức thẩm định cơ sở chăn nuôi

Tổ chức họp, triển khai thông báo Quyết định di dời của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đến các cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời. Tuyên truyền, vận động, tiếp nhận, đăng ký, cam kết di dời của cơ sở chăn nuôi và tổ chức thẩm định cơ sở chăn nuôi trước khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi.

Bước 4: Tổ chức nghiệm thu

Tổ Thẩm định cấp huyện, cấp xã tổ chức nghiệm thu, xác minh hoàn thành việc di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi và đề xuất kinh phí hỗ trợ.

Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp danh sách, đề nghị hỗ trợ kinh phí gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện vào thời gian cuối tháng (hằng tháng) và trước ngày 01/10/2024.

Bước 6: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ, lập danh sách, xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

(Chi tiết theo Phụ lục 3.1, Phụ lục 3.2 đính kèm).

- Biểu mẫu Quyết định; mẫu Biên bản (khảo sát, xác minh, thẩm định và nghiệm thu): Thực hiện theo thể thức kỹ thuật trình bày văn bản hành chính được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Đối với các biểu mẫu chi trả tiền hỗ trợ (danh sách nhận hỗ trợ; phiếu chi,...). Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

2.2. Lộ trình thực hiện

- Đến tháng 6 năm 2024: Phấn đấu có 50% cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi chấm dứt hoạt động; hoàn thành việc hỗ trợ khi di dời và các hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: Phấn đấu 100% cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi chấm dứt hoạt động; hoàn thành việc hỗ trợ khi di dời và các hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. Tổ chức hoàn thiện điều kiện chăn nuôi

Đối với các cơ sở chăn nuôi đã xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng có hiệu lực thi hành, không thuộc khu vực không được phép chăn nuôi nhưng không đáp ứng điều kiện chăn nuôi thì hoàn thiện điều kiện chăn nuôi đáp ứng theo quy định của pháp luật trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo chi hỗ trợ chuồng trại khi di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi.

2. Ngân sách cấp huyện đảm bảo chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi.

3. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện việc di dời cơ sở chăn nuôi là 25.212,84 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng quý, tổng hợp kinh phí việc chi hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cấp kinh phí bổ sung cho địa phương để thực hiện hỗ trợ.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện đảm bảo việc thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi không đúng quy định trên địa bàn tỉnh kể từ ngày Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; đồng thời, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và báo cáo theo hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên theo khả năng cân đối và theo phân cấp ngân sách để thực hiện chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án chăn nuôi trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi, đối tượng áp dụng của Luật Đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho các tổ chức hoạt động sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn liên quan.

4. Sở Xây dựng

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, đề xuất xử lý đối với các hành vi vi phạm hành chính về xây dựng (nếu có).

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về môi trường, thủ tục về đất đai đối với các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi thuộc phạm vi quản lý của ngành.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, phối hợp với Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng và chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về chính sách hỗ trợ này để các cấp, các ngành, Nhân dân, cơ sở chăn nuôi biết, đồng thuận, tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện hiệu quả việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng cho các hội viên, đoàn viên; đồng thời, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

8. Các Sở, ban ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng đảm bảo phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của địa phương; đồng thời, quản lý chặt chẽ hoạt động chăn nuôi trên địa bàn, không để phát sinh các trường hợp vi phạm Luật Chăn nuôi.

- Tổ chức tốt công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và các văn bản khác liên quan đến việc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các phòng ban chuyên môn, Tổ Thẩm định tổ chức tốt công tác hỗ trợ khi di dời. Xác định rõ việc thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hay chấm dứt hoạt động chăn nuôi và đăng ký nhận hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi (nếu có); đồng thời, yêu cầu các chủ cơ sở chăn nuôi đăng ký, cam kết thực hiện nghiêm Nghị quyết, không xây dựng mới, cơi nới, mở rộng diện tích, tăng đàn, tái đàn tại khu vực không được phép chăn nuôi. Thẩm định hồ sơ hỗ trợ đúng đối tượng, đúng nội dung, mức hỗ trợ và quyết toán theo quy định.

- Căn cứ vào điều kiện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, rà soát, xem xét, kiến nghị cấp có thẩm quyền bổ sung khu vực không được phép chăn nuôi, rà soát, thống kê và điều kiện thực tế để xây dựng kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo quy định.

- Ban hành Quyết định phê duyệt danh sách cơ sở chăn nuôi và kinh phí hỗ trợ khi di dời theo quy định tại Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng; thực hiện niêm yết theo quy định tại bảng thông báo của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Lập Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt danh sách cơ sở chăn nuôi và kinh phí hỗ trợ khi di dời, Biên bản họp, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp; đồng thời, gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định; trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25 của tháng thứ hai hằng quý/năm 2024.

- Thực hiện chi hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn quản lý khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cấp kinh phí bổ sung.

- Tổ chức việc chi trả kinh phí hỗ trợ đúng đối tượng, đúng nội dung theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ ở cơ sở.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm hành chính về chăn nuôi như: Xây dựng mới, cơi nới, mở rộng quy mô trong khu vực không được phép chăn nuôi theo Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi.

- Trước ngày 10/12/2024, báo cáo tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Định kỳ hằng quý, Ủy ban nhân dân cấp xã thống kê, rà soát danh sách cơ sở chăn nuôi đăng ký và thuộc diện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

- Chỉ đạo Tổ Thẩm định thực tế tại cơ sở chăn nuôi đăng ký di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; tổ chức họp Hội đồng Thẩm định cấp xã về danh sách cơ sở chăn nuôi đăng ký di dời (đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã hoàn thành xây dựng cơ sở chăn nuôi mới tại địa điểm chăn nuôi phù hợp phải có xác nhận của địa phương nơi xây dựng).

- Ban hành Quyết định phê duyệt danh sách cơ sở chăn nuôi được hưởng chính sách hỗ trợ khi di dời theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng; trong đó, nêu rõ diện tích, hiện trạng kết cấu chuồng trại (trước khi di dời) của từng cơ sở chăn nuôi và đề xuất mức kinh phí hỗ trợ theo quy định.

- Thực hiện niêm yết, công khai Danh sách cơ sở chăn nuôi đăng ký di dời theo quy định tại bảng thông báo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Lập Tờ trình kèm theo Quyết định phê duyệt danh sách, Biên bản họp gửi về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện/Phòng Kinh tế thị xã, thành phố trước ngày 10 của tháng thứ hai hằng quý.

11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn huyện

- Kê khai trung thực, chính xác hoạt động chăn nuôi, cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu hồ sơ liên quan về cơ sở chăn nuôi, việc cam kết đã chấm dứt hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin, tài liệu, hồ sơ cung cấp; thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ theo các quy định, chính sách hỗ trợ liên quan ban hành tại Nghị quyết và không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

- Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đề nghị các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Đài PT-THST, Báo ST;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Nam

Phụ lục I
KHÁI TOÁN KINH PHÍ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 26 /KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Số lượng (cơ sở)	Mức hỗ trợ (triệu đồng)	Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
I	**Kinh phí hỗ trợ chuồng trại khi di dời cơ sở chăn nuôi đến địa điểm phù hợp hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi**			**15.440**
1	Trang trại quy mô lớn (chuồng trại cột đúc, xây tường lửng, mái lợp tole, nền láng xi măng; mức hỗ trợ 0,2 triệu đồng/m^2 chuồng trại, không quá 200 triệu đồng/cơ sở)	01	0,2	200
2	Trang trại quy mô vừa (mức hỗ trợ 0,14 triệu đồng/m^2 chuồng trại, không quá 110 triệu đồng/cơ sở)	01	0,14	110
3	Trang trại quy mô nhỏ (mức hỗ trợ 0,14 triệu đồng/m^2 chuồng trại, không quá 50 triệu đồng/cơ sở)	19	0,14	950
4	Chăn nuôi nông hộ (mức hỗ trợ 0,12 triệu đồng/m^2 chuồng trại, không quá 10 triệu đồng/cơ sở)	1.418	0,12	14.180
II	**Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động chăn nuôi**			**3.657,5**
1	Trang trại quy mô lớn (ước tính 04 lao động/01 cơ sở; 01 lao động hỗ trợ 2,5 triệu đồng = 10 triệu đồng/cơ sở)	01	10	10
2	Trang trại quy mô vừa (ước tính 03 lao động/01 cơ sở; 01 lao động hỗ trợ 2,5 triệu đồng = 7,5 triệu đồng/cơ sở)	01	7,5	7,5
3	Trang trại quy mô nhỏ (ước tính 02 lao động/01 cơ sở; 01 lao động hỗ trợ 2,5 triệu đồng = 5 triệu đồng/cơ sở)	19	5	95
4	Chăn nuôi nông hộ (ước tính 01 lao động/01 cơ sở; 01 lao động hỗ trợ 2,5 triệu đồng)	1.418	2,5	3.545
III	**Kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi**			**6.115,34**
1	Trang trại quy mô lớn (ước tính 04 lao động/01 cơ sở; 01 lao động hỗ trợ 4,18 triệu đồng = 16,72 triệu đồng/cơ sở)	01	16,72	16,72
2	Trang trại quy mô vừa (ước tính 03 lao động/01 cơ sở; 01 lao động hỗ trợ 4,18 triệu đồng = 12,54 triệu đồng/cơ sở)	01	12,54	12,54
3	Trang trại quy mô nhỏ (ước tính 02 lao động/01 cơ sở; 01 lao động hỗ trợ 4,18 triệu đồng = 8,36 triệu đồng/cơ sở)	19	8,36	158,84
4	Chăn nuôi nông hộ (ước tính 01 lao động/01 cơ sở; 01 lao động hỗ trợ 4,18 triệu đồng)	1.418	4,18	5.927,24
Tổng cộng				**25.212,84**

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 26 /KH-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Stt	Tên biểu mẫu	Ký hiệu
1	Danh sách cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời trên địa bàn (xã)	Mẫu 1.1
2	Tổng hợp Danh sách các cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời (xã)	Mẫu 1.2
3	Danh sách cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời (huyện)	Mẫu 2.1
4	Tổng hợp Danh sách các cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời (huyện)	Mẫu 2.2
5	Phương án hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi	Mẫu 3.1
6	Tổng hợp kinh phí di dời	Mẫu 3.2

Mẫu 1.1

UBND……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời trên địa bàn cấp xã theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng trên địa bàn ……

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Loại vật nuôi	Quy mô (con)	Trang trại (đánh dấu X)	Nông hộ (đánh dấu X)	Diện tích chuồng trại (m^2)	Ghi chú
1. Ấp.....								
2. Ấp.....								
3. Ấp.....								

Xác nhận của Lãnh đạo UBND ……

……, Ngày ….. tháng……năm 202…
Người lập biểu

Mẫu 1.2

UBND……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH

Các cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời trên địa bàn cấp xã theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng trên địa bàn ……

Stt	Ấp	Tổng số hộ di dời	Nông hộ	Trang trại	Ghi chú
Tổng cộng		-	-	-	-

Xác nhận của Lãnh đạo UBND ……

……, Ngày ….. tháng……năm 202…
Người lập biểu

Mẫu 2.1

UBND……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời trên địa bàn cấp huyện theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng trên địa bàn …….

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Loại vật nuôi	Quy mô (con)	Trang trại (đánh dấu X)	Nông hộ (đánh dấu X)	Diện tích chuồng trại (m^2)	Ghi chú
1. Phường/thị trấn…….								
2. Phường/thị trấn…….								
3. Phường/thi trấn…….								

Xác nhận của Lãnh đạo UBND ……

……., Ngày ….. tháng……năm 202…
Người lập biểu

Mẫu 2.2

UBND……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH

Các cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời trên địa bàn cấp huyện theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng trên địa bàn ……

Stt	Phường/thị trấn	Tổng số hộ di dời	Nông hộ	Trang trại	Ghi chú
Tổng cộng		-	-	-	-

Xác nhận của Lãnh đạo UBND ……

……., Ngày ….. tháng……năm 202…
Người lập biểu

Mẫu 3.1

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số hồ sơ:.....

....., ngày ... tháng ... năm 202...

PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ KHI DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI

Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn..... theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND

Họ và tên chủ hộ: .....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại: .....
Loại vật nuôi: .....
Quy mô chăn nuôi (trang trại/nông hộ): .....

Stt	Hiện trạng chuồng trại	Diện tích chuồng trại (m^2)	Mức giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
TỔNG CỘNG					

Số tiền bằng chữ: ……

Chủ hộ	Người lập biểu	Tổ trưởng Tổ Thẩm định
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 3.2

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....
Số hồ sơ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 202...

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ KHI DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI

V/v thực hiện chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn..... theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Số điện thoại	Thành tiền	Ghi chú
TỔNG CỘNG					

Số tiền bằng chữ: .....

Người lập biểu
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng Tổ Thẩm định
(Ký tên, ghi rõ họ tên)